

Đào tạo thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Hoàng Thủy¹

¹ Trường Đại học Quảng Bình.
Email: hoangthuydhqb@gmail.com

Nhận ngày 30 tháng 5 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 7 năm 2019.

Tóm tắt: Hiện nay ở Việt Nam, việc đào tạo cử nhân công tác xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản là do các cơ sở đào tạo chưa chú trọng đào tạo thực hành nghề cho người học. Đào tạo thực hành nghề công tác xã hội sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện thực hành công tác xã hội. Tuy vậy, việc đào tạo cử nhân công tác xã hội nói chung, đào tạo thực hành nghề công tác xã hội nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế về cơ sở pháp lý, đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo... Để đẩy mạnh đào tạo thực hành nghề công tác xã hội, cần có những phân tích, đánh giá và các giải pháp thích hợp.

Từ khóa: Công tác xã hội, đào tạo, thực hành nghề nghiệp, Việt Nam.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Currently, in Vietnam, the training of students aiming for a bachelor's degree in social work has not met the requirements of the society. One of the fundamental reasons is that training institutions have not attached importance to practical training for their learners. Such training will equip students with the knowledge, skills, and methods to implement social work. However, the education of students in social work in general and that of practising social work in particular still have limitations in terms of the legal basis, the pool of teachers, and the curricula. To promote the training of practising social work, it is necessary to make appropriate analyses and assessment and come up with solutions.

Keywords: Social work, training, practice of the profession, Vietnam.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội là nghề cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, giúp đỡ những người yếu thế,

người có hoàn cảnh khác biệt, những người gặp khó khăn hoặc những người bị đẩy ra ngoài xã hội. Sứ mạng của ngành công tác xã hội là nỗ lực hành động nhằm giảm thiểu

những rào cản trong xã hội, sự bất công và bất bình đẳng. Nghề công tác xã hội đã và đang có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bình đẳng và tiến bộ của mỗi quốc gia và nhân loại. Đặc biệt, nghề công tác xã hội góp phần giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của từng cá nhân, từng nhóm nhỏ và cộng đồng những người yếu thế. Ngoài tinh thần tương thân tương ái, tinh thần trách nhiệm, việc thực hiện hỗ trợ và giúp đỡ cho những đối tượng này cần phải dựa trên nền tảng pháp lý được nghiên cứu và có cơ sở lý luận khoa học.

Nhận thấy được tầm quan trọng của nghề công tác xã hội đối với sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 32/2010/QĐ-TTg, bắt đầu quá trình hình thành công tác xã hội chuyên nghiệp trong phạm vi hệ thống phúc lợi xã hội của Chính phủ. Dựa trên Quyết định này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng Đề án quốc gia về phát triển nghề công tác xã hội. Từ năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã mở mã ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành công tác xã hội, kể từ đó, mỗi năm có hàng nghìn sinh viên tốt nghiệp cử nhân công tác xã hội. Tuy nhiên, mặc dù số lượng lớn người được đào tạo, nhưng vẫn có rất ít cán bộ đủ được trình độ công tác xã hội. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng đào tạo còn hạn chế; nội dung phương pháp đào tạo chưa phù hợp, dạy lý thuyết nhiều hơn dạy thực hành; chương trình nội dung đào tạo chưa gắn kết với chuẩn đầu ra, việc xây dựng chuẩn đầu ra vẫn còn hình thức, dạy chuyên môn chưa gắn chặt với dạy làm người, dạy về đạo đức nghề nghiệp; đội ngũ giảng viên chuyên ngành công tác xã hội ở nhiều trường còn thiếu và yếu về chuyên môn, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chưa đáp ứng, thiếu cơ sở thực hành và đội ngũ kiểm huấn viên có

chất lượng... Trong khi đó, yêu cầu đặt ra đối với đào tạo nghề công tác xã hội là phải đào tạo cử nhân công tác xã hội vừa có kiến thức, đạo đức nghề nghiệp vừa có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt vì “Công tác xã hội là một lĩnh vực thực hành phát triển cao dựa trên những nguyên tắc và phương pháp đặc biệt với mục đích hỗ trợ các cá nhân, nhóm và cộng đồng trong việc xử lý các vấn đề xã hội - từ đó, công tác xã hội có nhiệm vụ hoạt động vì hạnh phúc của con người và nâng cao phúc lợi xã hội” [2]. Bài viết này phân tích vai trò; những hạn chế; và giải pháp đẩy mạnh đào tạo thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. Vai trò đào tạo thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam

Công tác xã hội là một dạng hoạt động thực tiễn, được thực hiện theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định nhằm hỗ trợ cá nhân và các nhóm người trong việc giải quyết các vấn đề đời sống của họ, vì phúc lợi và hạnh phúc con người và tiến bộ xã hội. Có thể nói đây cũng là một dạng hoạt động thực tiễn mang tính tổng hợp cao, phức tạp. Điều này cần đặc biệt nhấn mạnh ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Người làm công tác xã hội phải quan tâm rất nhiều loại vấn đề khác nhau; làm việc với nhiều loại người, từ người dân bình thường, các thành phần “có vấn đề” trong xã hội, đến những người có quyền lực hay trách nhiệm cao; làm việc với các tổ chức và thiết chế. Yêu cầu đặt ra đối với người làm công tác xã hội là: có khả năng nhận thức được các biến đổi xã hội vĩ mô; thực hiện một cách sáng tạo các nguyên tắc, phương pháp, kỹ năng công tác xã hội;

mong muốn và biết làm việc một cách cụ thể và thiết thực với mọi người ở các tầng lớp và môi trường khác nhau; có khả năng thiết kế và tiến hành một chương trình (kế hoạch) công tác xã hội. Muốn đạt được điều này, người làm nghề công tác xã hội phải được đào tạo cơ bản về lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề nghiệp ngay từ khi theo học ở trường.

Thực hành công tác xã hội được hiểu là quá trình sinh viên tiếp xúc, làm việc với các thân chủ (những người, nhóm người hoặc cộng đồng có vấn đề xã hội) dưới sự hướng dẫn và giám sát của kiểm huấn viên hoặc giảng viên phụ trách tại cộng đồng, cơ quan, trường học, bệnh viện... Thực hành trong đào tạo công tác xã hội có vai trò quan trọng:

Thứ nhất, thực hành nghề tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình học tập, từ đó giúp sinh viên nắm được kiến thức một cách dễ dàng hơn. Đa phần các giờ học lý thuyết trừu tượng, khô khan nên sinh viên rất khó tiếp thu. Do học mà không biết cách áp dụng, các lý thuyết này dần bị sinh viên lãng quên. Thực hành chính là cách áp dụng lý thuyết vào thực tế.

Thứ hai, thực hành công tác xã hội sẽ tạo nền tảng kiến thức và kỹ năng làm việc cho người học sau khi ra trường. Thực hành trong đào tạo công tác xã hội đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển những kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của sinh viên. Thông qua thực hành, những kiến thức lý thuyết sẽ được kiểm chứng và áp dụng vào từng trường hợp cụ thể và trở thành những kiến thức và kỹ năng riêng có của từng sinh viên. Điều này là đặc điểm rất riêng và khác biệt của nghề công tác xã hội. Khác với những ngành nghề đòi hỏi những quy trình làm việc thống nhất và nghiêm ngặt, nghề công tác xã hội có thể cho phép

tiếp cận thân chủ theo nhiều cách thức khác nhau trên cơ sở của nhiều học thuyết khác nhau.

Thứ ba, thực hiện đào tạo thực hành công tác xã hội sẽ tạo ra những người lao động được đánh giá cao về kiến thức và năng lực. Đối với một lao động việc có kỹ năng thực hành nghề nghiệp là vô cùng quan trọng. Một người được qua đào tạo, có kiến thức vững vàng, song chưa chắc đã có thể hoàn thành công việc một cách tốt nhất, đạt tiêu chuẩn và theo đúng những yêu cầu đề ra. Bởi vậy, việc làm sao để nâng cao trình độ thực tiễn, giúp công việc được diễn ra suôn sẻ là vô cùng quan trọng. Đây là yếu tố cơ bản giúp cho hiệu quả công việc được nâng cao hơn. Nhiều người đã tốt nghiệp những trường đại học, cao đẳng chất lượng, danh tiếng với vốn kiến thức đầy đủ song khi đi ra thực tế lại không đạt được những yêu cầu được đề ra đối với lao động. Điều đó có nghĩa là năng lực làm việc thực tế còn kém, hay có nghĩa là người lao động còn thiếu tay nghề. Và khi tay nghề chưa cao, thực hiện công việc trong thực tiễn chưa tốt có nghĩa là người lao động đó vẫn chưa được đánh giá đạt chất lượng.

Thứ tư, thực hành nghề công tác xã hội sẽ tạo tâm lý tự tin cho sinh viên trong tuyển dụng cũng như trong quá trình làm việc, giúp họ nhanh chóng đạt được ước mơ, nguyện vọng về nghề nghiệp sau khi ra trường. Vào đại học là giấc mơ của không ít bạn trẻ. Suốt bốn năm học đại học, họ đã tự vạch ra rất nhiều ước mơ, hoài bão, ấp ủ nhiều dự định lớn lao. Thế nhưng không ít sinh viên khi tốt nghiệp ra trường cảm thấy không tự tin phỏng vấn tuyển dụng hoặc là thực hiện một công việc mới mà nguyên nhân chủ yếu là vì không kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến các bạn sinh viên lúng túng, mất niềm tin vào bản thân. Đào tạo thực hành sẽ tạo kiến thức thực tiễn và kỹ năng làm việc cho sinh viên, giúp các em không

còn bỏ ngỡ khi thực hiện công việc và đặc biệt tạo nên tâm lý tự tin cho các em trước cuộc sống nhiều biến động.

Thứ năm, đào tạo thực hành nghề công tác xã hội giúp cho các trường đại học nâng cao chất lượng giảng dạy, từ đó nâng cao uy tín của mình. Nền tảng học vấn là yếu tố quan trọng, được tích lũy trong quá trình học tập và thể hiện ở chuyên ngành và bằng cấp, đây là yếu tố cần để tham gia trong quá trình tuyển dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, theo các nhà tuyển dụng, văn bằng không phải là yếu tố quyết định mà là khả năng tiếp nhận và xử lý công việc của bản thân như thế nào trong quá trình làm việc thực tế. Khi nhà tuyển dụng gặp được những sinh viên thể hiện được kiến thức học tập, thể hiện sự hiểu biết thực tiễn và đặc biệt là có được kỹ năng nghề nghiệp, họ sẽ đánh giá cao chất lượng đào tạo từ đó tạo nên thương hiệu cho cơ sở đào tạo. Về cơ bản, một thương hiệu trường đại học có giá trị cũng tương tự như thương hiệu của mọi doanh nghiệp và tổ chức. Với tư cách là một thương hiệu dịch vụ cụ thể thì thương hiệu một trường đại học được thể hiện qua tên giao dịch của trường, gắn liền với bản sắc riêng, uy tín và hình ảnh của nhà trường nhằm gây dấu ấn sâu đậm đối với người học, đối tác, nhà tuyển dụng và phân biệt với các trường khác trong hoạt động đào tạo. Một trong những yếu tố tạo nên thương hiệu cho một trường đại học là chất lượng đào tạo, các trường đại học phải tạo ra được mức chất lượng dịch vụ và các hoạt động nghiên cứu hữu ích được sinh viên, cộng đồng xã hội và doanh nghiệp thừa nhận. Thước đo chất lượng đào tạo cụ thể nhất đó chính là chất lượng sản phẩm mà cơ sở đào tạo tạo ra, đó chính là kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà mỗi sinh viên có được sau khi tốt nghiệp.

3. Những hạn chế trong đào tạo thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước rất coi trọng công tác xã hội bởi một xã hội phát triển bền vững là một xã hội tạo được sự cân đối giữa phát triển kinh tế và vấn đề an sinh xã hội. Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2011-2020, hướng đến mục tiêu chuyên nghiệp hóa các hoạt động công tác xã hội. Phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến [7]. Tuy vậy, thực tế cho thấy đào tạo thực hành nghề công tác xã hội còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý. Hiện nay, hoạt động đào tạo thực hành công tác xã hội ở nhiều trường, viện, trung tâm trong cả nước chưa thực sự hiệu quả. Đào tạo nghề thực hành công tác xã hội chưa bắt nhịp với sự phát triển nhanh chóng của các cơ chế, chính sách. Cán bộ làm nghề công tác xã hội rất mỏng và chưa được đào tạo chính quy. Vì thế, cán bộ công tác xã hội không thể trực tiếp can thiệp để chấm dứt ngay hành vi bạo lực khi thực hiện nhiệm vụ can thiệp trong trường hợp khẩn cấp vì thiếu cơ sở pháp lý. Chúng ta đã có văn bản quy định, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm, cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội, nhưng chưa có các văn bản quy

phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý để thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm này. Về lý thuyết, hoạt động can thiệp là nhằm loại bỏ tức thời nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, giảm thiểu những tổn thương về thực thể và tinh thần cho thân chủ. Sau khi can thiệp và loại bỏ được nguy cơ, hoạt động hỗ trợ sẽ nhằm cung cấp cho thân chủ những dịch vụ phù hợp nhằm ổn định, phục hồi và tạo điều kiện cho sự phát triển chức năng xã hội của thân chủ. Tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ can thiệp trong trường hợp khẩn cấp, ngoài việc tư vấn, kết nối với các cơ quan chức năng thì không thể làm gì hơn ngoài lời nói.

Trong khi đó, sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và thực hành công tác xã hội chưa đồng bộ. Việc kết nối với cơ quan chức năng và các đoàn thể cũng rất khó khăn và thiếu cơ sở pháp lý vì hiện nay chưa có văn bản nào quy định các cơ quan chức năng, các đoàn thể phải phối hợp với các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội để thực hiện các biện pháp hữu hiệu trong các trường hợp can thiệp, hỗ trợ khẩn cấp. Bên cạnh đó, cán bộ công tác xã hội ngoài hỗ trợ về tư vấn tâm lý, ổn định tinh thần và kết nối với các cơ quan chức năng thì cũng chưa có cơ sở pháp lý để có thể đưa ra quyết định cụ thể việc cung cấp dịch vụ nào phù hợp và có hiệu quả cho đối tượng. Cơ sở pháp lý về đào tạo ngành công tác xã hội với việc ban hành thông tư về Chương trình khung đã có từ năm 2004 nhưng phải đến gần 7 năm sau, năm 2010 mới có Đề án phát triển nghề công tác xã hội (Đề án 32). Sau khi Đề án 32 được phê duyệt, các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp... ra các thông tư triển khai Đề án. Nhưng đến nay mới chỉ có cộng tác viên công tác xã hội trong hệ thống cán bộ công chức, viên

chức cấp xã. Trong các ngành, Bộ Y tế đang đi tiên phong trong việc đưa công tác xã hội chuyên nghiệp vào hệ thống bệnh viện, ngành giáo dục và đào tạo đã có thông tư thông tư về công tác xã hội trường học nhưng chưa quy định về vị trí nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong nhà trường. Luật công tác xã hội đang trong quá trình dự thảo, lấy ý kiến rộng rãi, chỉnh sửa, hoàn thiện, trình và chờ Quốc hội phê duyệt [4].

Thứ hai, về đội ngũ giảng viên. Là một ngành mới, sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình khung năm 2004, những trường đại học đầu tiên cũng như các trường về sau được giao nhiệm vụ đào tạo công tác xã hội không thể đáp ứng ngay được đội ngũ giảng viên có đầy đủ năng lực, trình độ chuyên môn đúng chuyên ngành. Đa số giảng viên tham gia đào tạo ngành công tác xã hội là từ các ngành khác chuyển sang, rất đa dạng như ngành Văn học, Kinh tế, Luật, Chính trị học, Triết học... nhưng nhiều nhất là các ngành Xã hội học và Tâm lý học [4]. Hiện nay, đội ngũ giảng viên công tác xã hội đa phần được đào tạo ở nước ngoài do đó thiếu kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam. Nhiều giảng viên công tác xã hội chưa từng đi thực hành nghề nghiệp, kiến thức truyền đạt nặng về hàn lâm và lý thuyết, không phù hợp với công tác đào tạo của một nghề mang tính thực tiễn cao như công tác xã hội. Tỷ lệ giảng viên đúng chuyên ngành ở các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo công tác xã hội còn thấp. Giảng viên đúng chuyên ngành chiếm tỷ lệ ít và phần lớn có tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy sẽ có những hạn chế nhất định. Số lượng giảng viên “tay ngang” vẫn còn nhiều. Mặc dù đa số giảng viên “tay ngang” này luôn nỗ lực hoàn thiện, phát triển năng lực bản thân, đáp ứng yêu cầu về đào tạo ngành công tác xã hội, nhưng ít nhiều

không tránh khỏi những ảnh hưởng của chuyên ngành gốc, nhất là đối với những giảng viên đã có thời gian dài nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành đó.

Theo số liệu thống kê khảo sát tháng 12/2018 tại 8 trường (Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Lao động - Xã hội, Đại học Công Đoàn, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Cao đẳng Sư phạm Trung ương) có tổng số 114 giảng viên. Trong đó, số giảng viên học hàm phó giáo sư là 5 (Xã hội học, Tâm lý học), học vị tiến sĩ là 37, thạc sĩ là 68, số còn lại đang học cao học. Trong số 37 tiến sĩ, có 01 tiến sĩ chuyên ngành công tác xã hội; trong số 68 thạc sĩ, có 32 thạc sĩ công tác xã hội và 7 đang làm nghiên cứu sinh công tác xã hội. Như vậy, trong tổng số giảng viên công tác xã hội ở 8 trường này, hiện chỉ có 29% giảng viên đúng chuyên ngành [4].

Thứ ba, về hệ thống học liệu, giáo trình. Đây là một khâu yếu nhất gây ảnh hưởng đến việc đào tạo công tác xã hội. Có rất ít giáo trình về công tác xã hội từ đại cương, phương pháp đến các tài liệu, giáo trình chuyên ngành được biên soạn. Đa phần các tài liệu, giáo trình ở thư viện được viết bằng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh) trong khi đó trình độ ngoại ngữ của sinh viên công tác xã hội nói riêng cũng như những sinh viên Việt Nam nói chung còn hạn chế, do đó làm giảm khả năng tiếp cận. Ngoại trừ một số ít trường, như: Đại học Lao động - Xã hội, Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh... về cơ bản đã xuất bản được hầu hết tài liệu, giáo trình chuyên ngành; một số trường xuất bản được khoảng 10 đầu sách như Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà

Nội, Đại học Đà Lạt, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam... các trường còn lại mới xuất bản được rất ít tài liệu, sách, giáo trình chuyên ngành công tác xã hội.

Sách, tài liệu, giáo trình phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập bậc học cử nhân công tác xã hội ở nhiều trường đại học, cao đẳng đã khan hiếm, sách phục vụ nghiên cứu, đào tạo trình độ sau đại học công tác xã hội còn khan hiếm hơn. Qua thông tin khảo sát cho thấy, đa số giảng viên giảng dạy các học phần, môn học chuyên ngành công tác xã hội ở các trường chưa có sách, giáo trình công tác xã hội mới chỉ xây dựng thành tập bài giảng và sử dụng tập bài giảng này để giảng dạy, cung cấp cho sinh viên, học viên để học và làm bài thi, cũng như các bài tập khác.

Thứ tư, về khung chương trình đào tạo. Theo khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, 70-80% là hệ thống kiến thức bắt buộc, không thể thay đổi, các trường chỉ có 20-30% khối lượng kiến thức còn lại, do đó có thể thấy đây là một khung chương trình khá cứng nhắc và chưa thực sự phù hợp với đào tạo công tác xã hội, một ngành học có tính đặc thù cao. Tuy nhiên, ngay cả 20-30% kiến thức còn lại, các trường cũng sử dụng không hợp lý. Các trường đào tạo công tác xã hội hiện nay chưa cho thấy sự hợp tác, phối hợp trong đào tạo công tác xã hội, “mạnh ai nấy làm”, nội dung giảng dạy vẫn nặng về lý thuyết, hàn lâm, chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên cũng như thị trường lao động. Chương trình khung và chương trình đào tạo ngành công tác xã hội của từng trường đã xây dựng, thực hiện, trong đó thể hiện “về mặt kỹ thuật” là 40-45% thời lượng thực hành, thực tập. Tuy nhiên, các trường lại thiết kế chương trình bao gồm nhiều môn học, với 130 tín chỉ, ngoài các tín chỉ thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ

sở, số tín chỉ chuyên ngành, bao gồm cả thực hành, thực tập, thi hoặc khóa luận tốt nghiệp chiếm gần 55%, tức là 70-75 tín chỉ với khoảng 30-35 môn học. Việc có nhiều môn học, mỗi môn học ít tín chỉ, chắc chắn không tránh khỏi tình trạng trùng lặp nội dung, hoặc phân kiến thức, kỹ năng công tác xã hội của môn học đó bị hạn chế, tất yếu thời lượng, chất lượng thực hành môn học cũng khó được đảm bảo [4].

4. Giải pháp đẩy mạnh đào tạo thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam

4.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về đào tạo thực hành nghề công tác xã hội

Một trong những mục tiêu quan trọng của Đề án 32 là Việt Nam cần phát triển mạng lưới dịch vụ xã hội và nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Đến năm 2020 cần đào tạo mới và đào tạo lại được 60.000 nhân viên công tác xã hội với các trình độ khác nhau. Do đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang đề xuất xây dựng Luật Nghề công tác xã hội và kỳ vọng khi luật này ra đời sẽ giúp chuẩn hóa đội ngũ người làm công tác xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng đòi hỏi, yêu cầu của xã hội. Muốn chuẩn hóa đội ngũ người làm công tác xã hội chuyên nghiệp thì trước hết phải chuẩn hóa cơ sở đào tạo. Chất lượng giáo dục của cơ sở đào tạo sẽ quyết định rất lớn đến chất lượng sản phẩm mà họ tạo ra. Người làm công tác xã hội chuyên nghiệp là người được đào tạo bài bản thể hiện ở kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp mà họ có được sau khi ra trường.

Với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành quy định về “nghề” công

tác xã hội, Dự thảo Luật Nghề công tác xã hội rất cần có những quy phạm quy định rõ về điều kiện và tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo và trong đó không thể thiếu điều kiện về bảo đảm thực hiện hoạt động thực hành nghề nghiệp cho người học.

Bên cạnh đó cũng cần xây dựng các tiêu chuẩn thực hành công tác xã hội trong từng lĩnh vực. Các lĩnh vực thực hành bao gồm trẻ em và gia đình, sức khỏe tâm thần, khuyết tật, người cao tuổi, các bệnh viện và phòng khám... Cần có những quy định để người thực hành công tác xã hội cũng có quyền yêu cầu thân chủ phải thực hiện một số công việc cụ thể hay nói cách khác cần có khuôn khổ pháp lý để định hướng hành động trong tất cả các tình huống cần đến sự giúp đỡ của người thực hành công tác xã hội.

Đặc biệt, trong Dự thảo Luật Nghề công tác xã hội cần có quy định về việc tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo cử nhân công tác xã hội, bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- Quy định về nguyên tắc trong tổ chức đào tạo thực hành công tác xã hội. Những nguyên tắc của công tác xã hội là các yếu tố cấu trúc quan trọng nhất của các hình thái lý luận khoa học lô gíc, là những quy định chủ yếu của các hình thái lý luận khoa học lô gíc và là những quy định chủ yếu của hoạt động theo kinh nghiệm.

- Quy định về chương trình đào tạo thực hành công tác xã hội. Chương trình đào tạo thực hành là phần thực hành trong chương trình, đào tạo tổng thể của một trình độ đào tạo theo từng ngành hoặc chuyên ngành do cơ sở đào tạo ban hành; được thể hiện trong mục tiêu, nội dung đào tạo, tiến trình đào tạo tổng thể, phương pháp dạy - học, hình

thức kiểm tra và lượng giá năng lực, đánh giá kết quả và chuẩn năng lực đầu ra của người học theo từng học phần, môn học, module (đối với chương trình có module) và toàn bộ chương trình thực hành.

- Quy định về kế hoạch đào tạo thực hành công tác xã hội. Kế hoạch đào tạo thực hành được xây dựng chi tiết hằng năm căn cứ vào chương trình đào tạo thực hành, trong đó xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành.

- Quy định về hợp đồng đào tạo thực hành công tác xã hội. Hợp đồng đào tạo thực hành được ký theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành đáp ứng các yêu cầu trong đào tạo thực hành.

- Quy định về tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo thực hành công tác xã hội. Những hoạt động thực hiện như thống nhất danh sách người thực hành, tiếp nhận người thực hành, phân công người giảng dạy thực hành, đánh giá kết quả người học...

- Quy định về yêu cầu đối với người giảng dạy thực hành công tác xã hội; yêu cầu đối với cơ sở thực hành công tác xã hội; yêu cầu đối với cơ sở giáo dục công tác xã hội;

- Quy định về quyền và trách nhiệm của cơ sở thực hành công tác xã hội; quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục công tác xã hội; quyền và trách nhiệm của người giảng dạy thực hành công tác xã hội; quyền và trách nhiệm của người học thực hành công tác xã hội v.v..

Những quy định cụ thể nêu trên góp phần tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo cử nhân công tác xã hội dễ dàng, đầy đủ

và khoa học và có sự thống nhất giữa các cơ sở đào tạo cử nhân công tác xã hội.

4.2. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo nghề công tác xã hội

Trong Chương trình khung giáo dục đại học ngành công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng cần quy định rõ các nội dung về thực hành nghề nghiệp ngay. Hiện nay, Thông tư số 10/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng là văn bản xác định khung chương trình đào tạo được áp dụng cho tất cả các cơ sở đào tạo nghề công tác xã hội. Để tạo cơ sở pháp lý cũng như định hướng đào tạo thì Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phân bổ đơn vị học trình thành lý thuyết và thực hành cho tất cả các học phần đào tạo để người học có cơ hội thực hành trên tất cả các học phần (chứ không chỉ dừng lại ở học phần thực hành công tác xã hội I,II,III), vì đây là chương trình khung của đào tạo “nghề” cụ thể là nghề công tác xã hội đòi hỏi từ người học một lượng kiến thức thực tiễn lớn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao hơn những ngành học khác. Cần bổ sung thêm một số học phần mới có tính chất thực hành nghề nghiệp. Điều này phù hợp với tinh thần của Đề án Phát triển nghề công tác xã hội của Chính phủ giai đoạn 2010-2020 cũng đã nêu rõ vai trò, mục tiêu đào tạo nghề công tác xã hội là: “Xây dựng, hoàn thiện chương trình khung, nội dung đào tạo và dạy nghề công tác xã hội”. Trên cơ sở chương trình khung, các cơ sở đào tạo sẽ xây dựng Chương trình giáo dục đại học ngành công tác xã hội bảo

đảm đầy đủ kỹ năng thực hành cho sinh viên phù hợp với từng chuyên ngành tại mỗi cơ sở đào tạo cụ thể và gắn kết chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của ngành công tác xã hội cần đặc biệt chú trọng đến thực hành, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên. Thực hành, thực tập là khâu quyết định trực tiếp đến trình độ, năng lực nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên, vì thế cùng với việc trang bị kiến thức, lý thuyết thì phải tăng cường thực hành trong đào tạo.

5. Kết luận

Thực hành nghề là một yếu tố quan trọng trong công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo cử nhân công tác xã hội tại các trường đại học ở Việt Nam. Với việc đưa sinh viên vào một môi trường thực tiễn để học tập và rút ra kinh nghiệm, hoạt động thực hành nghề công tác xã hội đem lại những lợi ích to lớn không những cho sinh viên mà còn cho cả cơ sở đào tạo và cho xã hội. “Ngành công tác xã hội nhằm đến việc tăng cường các hoạt động xã hội lành mạnh của mọi người trong xã hội và theo đuổi các chính sách và chương trình biện hộ cho chất lượng cuộc sống với các mục tiêu công bằng xã hội, không phân biệt đối xử, tự do và dân chủ” [3, tr.10]. Vì vậy, việc xây dựng và phát triển một cơ sở pháp lý đầy đủ và ổn định cho đào tạo công tác xã hội nói, đào tạo thực hành nghề công tác xã hội nói riêng cần phải xem xét và triển khai. Với việc tăng cường thực hành nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo công tác xã hội hoàn

toàn có thể cung cấp sản phẩm đào tạo của mình là các sinh viên tốt nghiệp giỏi về kiến thức chuyên môn, thành thạo về kỹ năng làm việc và có thể làm hài lòng mọi nhà tuyển dụng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Quyết định số 35/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 10 năm 2004 về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng*, Hà Nội.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg về phát triển nghề công tác xã hội tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Ngọc Lâm (2016), *Cẩm nang cho nhân viên công tác xã hội (Sách bỏ túi dành cho nhân viên công tác xã hội)*, Nxb Đại học Mở bán công Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Duy Nhiên (2019), “Chuyên nghiệp hóa đào tạo công tác xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 về phê duyệt đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội.
- [6] <http://baodansinh.vn/hoan-thien-co-che-chinh-sach-phat-trien-nghe-cong-tac-xa-hoi-d68112.html>
- [7] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-32-2010-QĐ-TTg-phe-duyet -De-an-phat-trien-nghe-cong-tac-xa-hoi-giai-doan-2010-2020-102910.aspx>